

# ↓ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM TỪ KHỦNG HOẢNG NỢ CÔNG Ở MỘT SỐ NƯỚC LIÊN MINH CHÂU ÂU

Đoàn Hồng Lê\*

**Tóm tắt:** Bài viết khái quát về sự hình thành và phát triển của Liên minh Châu Âu (EU) và đồng EUR, đồng thời phân tích thực trạng và nguyên nhân gây ra khủng hoảng nợ công ở một số nước EU và xem xét, đánh giá các giải pháp đã được thực hiện cả trong ngắn hạn và dài hạn của Liên minh Châu Âu đối với khủng hoảng nợ công. Bài viết đi vào phân tích thực trạng và nguyên nhân của nợ công Việt Nam hiện nay và dựa trên kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu để đề xuất các giải pháp ngăn chặn nguy cơ xảy ra khủng hoảng nợ công tại Việt Nam.

**Từ khóa:** khủng hoảng, nợ công, GDP, ngân sách, thâm hụt, Liên minh Châu Âu, Việt Nam

Khủng hoảng nợ công châu Âu khởi phát từ năm 2009, bắt nguồn từ việc chính phủ một số nước thuộc Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone) chi tiêu hoang phí, chính sách tài khóa lỏng lẻo, không thực hiện ổn định ngân sách và nợ theo đúng cam kết lúc gia nhập Liên minh, cùng với sự mất cân đối trong việc vay nợ của các quốc gia và thiếu cơ chế phối hợp điều hành trong Eurozone. Khủng hoảng nợ công châu Âu cũng chính là hồi chuông cảnh báo các quốc gia trên thế giới phải tăng cường kiểm soát

nợ công, đánh giá nghiêm túc tình trạng ngân sách, chủ động điều chỉnh chính sách kinh tế-xã hội, nhận định kịp thời nguy cơ khủng hoảng và có biện pháp đối phó, ngăn ngừa kịp thời để tránh xảy ra sự cố như các nước châu Âu.

### 1. Khủng hoảng nợ công châu Âu

#### 1.1. Thực trạng khủng hoảng nợ công châu Âu

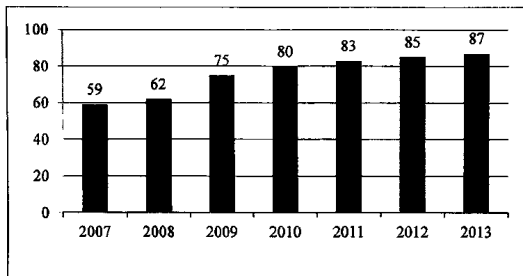
Theo quy định của Liên minh Tiền tệ Châu Âu (EMU) về tài chính công trong Hiệp ước Ổn định và Tăng trưởng, mức thâm hụt ngân sách của mỗi quốc gia không được vượt quá 3% GDP và mức nợ công không

\* TS, Đại học Duy Tân

được vượt quá 60% GDP. Các chỉ tiêu này đều được các quốc gia ứng viên tuân thủ nghiêm túc trước đó, tuy nhiên khi đi vào hoạt động, các thành viên bắt đầu vi phạm

những quy định đã được đặt ra. Từ năm 2003, phần lớn các nước trong khu vực Eurozone có tỉ lệ nợ công/GDP lớn hơn 60% và tỉ lệ này có xu hướng ngày càng tăng cao.

Hình 1: Tỉ lệ nợ công/GDP của EU giai đoạn 2007-2013



Nguồn: Eurostat.

Điển hình là Hy Lạp và Italia, đều ở mức trên 115% vào năm 2009. Đặc biệt, khi lợi tức trái phiếu của Chính phủ Hy Lạp kì hạn 2 năm liên tục tăng cao từ 3,47% (tháng 1/2010) lên 9,73% (tháng 7/2010) cũng chính là dấu hiệu khởi đầu cho cuộc khủng hoảng nợ công diễn ra tại EU. Bắt đầu từ Hy Lạp, tiếp đến Ailen, khủng hoảng nợ công lan ra các quốc gia khác trong Eurozone. Đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng nợ công là Hy Lạp, chạm mức 150% GDP từ năm 2011, đưa quốc gia này trở thành nước có tỉ lệ nợ công/GDP cao nhất trong khu vực Eurozone. Tiếp theo Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ailen và Síp đã phải xin cứu trợ quốc tế

để tránh vỡ nợ. Đồng EUR liên tục mất giá, cuộc khủng hoảng tài chính đã làm tổn thất hàng nghìn tỉ USD của các nước thành viên EU. Từ năm 2010, diễn biến nợ công của Eurozone ngày càng xấu đi khi nợ công tăng từ 65% năm 2007 lên 85% năm 2010 và ngân sách liên tục trong tình trạng thâm hụt vượt quá mức giới hạn 3% mà EU đã đề ra<sup>1</sup>.

Tuy nhiên nợ công giữa các nước thành viên trong EU lại có sự khác biệt tương đối lớn.

<sup>1</sup> Lê Thị Minh Ngọc, *Nợ công châu Âu: Báo động từ những con số*. <http://www.tapchitaichinh.vn>, ngày 30/05/2014.

**Bảng 1: Tỷ lệ nợ công/GDP một số nước trong EU<sup>2</sup>**

Quốc gia	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Hy Lạp	101	106	107	112	127	142	159	159	155	174
Ireland	28	25	25	41	62	88	103	114	124	123
Bồ Đào Nha	62	64	68	71	81	92	110	122	134	129
Italia	105	106	104	105	114	118	120	121	121	132
Tây Ban Nha	44	40	37	40	52	60	67	73	79	92

### 1.2. Nguyên nhân

Cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu có nhiều nguyên nhân, cả trực tiếp và gián tiếp, nhưng phần lớn đều liên quan đến đồng EUR và những vấn đề của hệ thống tài chính châu Âu.

*Thứ nhất*, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 dẫn đến nguồn thu ngân sách của các chính phủ giảm trong khi nhu cầu chi tiêu công lại tăng cao.

Điều này dẫn đến nợ công của Eurozone tăng cao từ sau năm 2007 (xem Hình 1).

*Thứ hai*, việc ECB đưa ra chính sách lãi suất thấp đã khuyến khích các chính phủ vay tiền ngân hàng để phục vụ cho các hoạt động đầu tư và chi tiêu công. Điều này dẫn đến việc chính phủ các nước vay mượn quá nhiều nhưng lại không thể trả nợ, khiến nợ công gia tăng.

**Bảng 2: Lãi suất trung bình 12 tháng của ECB giai đoạn 2000-2010**

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Lãi suất (%)	4,79	4,09	3,49	2,33	2,27	2,34	3,44	4,45	4,83	1,61	1,35

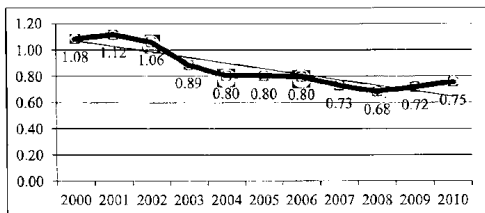
Nguồn: global-rates.com/

*Thứ ba*, giá trị đồng EUR đắt hơn tương đối so với đồng USD trong những năm gần đây. Nguyên nhân là do chịu tác động bởi

chính sách tiền tệ của ECB và Mỹ cùng với các hoạt động làm méo mó thị trường của giới đầu cơ ngoại tệ. Đồng EUR đắt hơn tương đối khiến cho sản phẩm xuất khẩu khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng như tạo điều kiện cho hàng nhập khẩu vào nội địa và làm tăng chi tiêu công.

<sup>2</sup>Nguồn: *The Economic*,  
<http://www.tradingeconomics.com>

**Hình 2: Tỷ giá hối đoái của EUR/USD trong giai đoạn 2000-2010**  
(1 USD = x EUR)



Nguồn: [www.oanda.com/](http://www.oanda.com/)

*Thứ tư*, do sự mất cân bằng trong khu vực Eurozone. Khi các nước lớn như Đức, Pháp luôn đạt mức tăng trưởng cao và thặng dư tài khoản vãng lai thì các nước như Ireland, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Tây Ban Nha... lại thường xuyên rơi vào tình trạng thâm hụt. Từ năm 2002 đến 2008, thâm hụt tài khoản vãng lai của các nước này tăng mạnh do tiếp nhận dòng vốn đầu tư không lồ từ các nước giàu có khác vào lĩnh vực bất động sản. Để cân bằng cán cân vãng lai, các nước này không thể lựa chọn phương án phá giá đồng nội tệ mà buộc phải tài trợ bằng cách bán trái phiếu EUR và chấp nhận nợ bằng đồng EUR. Tuy nhiên, các nhà đầu tư đã không đồng ý mua tài sản mà đồng loạt rút vốn khi phát hiện Hy Lạp không thể trả nợ vào năm 2009. Dù đã đưa ra những biện pháp khác nhau như tăng cường xuất khẩu, cắt giảm ngân sách và tăng tiết kiệm trong nước nhưng hiệu quả đạt được không cao. Cả Chính phủ và khu vực tư nhân đều không

thể tiếp tục tài trợ thâm hụt tài khoản vãng lai và gặp khó khăn trong việc trả nợ (Ewald Nowotny, 2012).

*Thứ năm*, khi hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế không tạo ra được lợi nhuận và không thể thanh toán được các khoản nợ đến hạn, họ đã cầu cứu Chính phủ để giãn nợ, đảo nợ hoặc mua lại nợ tư nhân, khi đó nợ tư nhân sẽ chuyển thành nợ công.

*Thứ sáu*, do những khiếm khuyết trong chính sách quản lý kinh tế của chính phủ các nước nói riêng và khối EU nói chung. Từ sau khi EMU bắt đầu đi vào hoạt động, cơ chế phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa vẫn còn nhiều hạn chế. ECB thực thi các chính sách tiền tệ tập trung trong khi chính sách tài khóa vẫn do mỗi quốc gia quyết định khiến chi tiêu ngân sách bị buông lỏng, thiếu kiểm soát. Sự yếu kém, thiếu minh bạch trong quá trình quản lý đã khiến ngân sách thâm hụt nghiêm trọng và dẫn đến

nợ công tăng lên. Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khác cũng có những tác động không nhỏ dẫn đến việc nợ công tăng cao tại các quốc gia châu Âu.

### **1.3. Các giải pháp chống khủng hoảng nợ công của châu Âu**

Để giải cứu tình hình, EU đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ các nước nhằm cứu vãn các nền kinh tế, tránh nguy cơ vỡ nợ, với số tiền 750 tỉ EUR nhằm tài trợ vốn thông qua các khoản cho vay, bảo lãnh và hỗ trợ tài chính cho các thành viên EU, duy trì sự ổn định tài chính của khu vực, bao gồm các giải pháp ngắn hạn và dài hạn như sau:

#### **- Trong ngắn hạn:**

+ Thành lập Quỹ Bình ổn Tài chính Châu Âu (European Financial Stability Facility - EFSF) như một công cụ tài chính hợp pháp nhằm giúp đảm bảo ổn định tài chính tại châu Âu;

+ Thành lập Cơ chế Bình ổn Tài chính Châu Âu (European Financial Stabilisation Mechanism - EFSM), đây là một quỹ khẩn cấp lấy vốn từ các thị trường tài chính và ngân sách của EU dưới sự đảm bảo của Ủy ban Châu Âu;

+ Xóa 50% trong khoản nợ ước tính 350 tỉ EUR cho Hy Lạp bằng quỹ cứu trợ do EFSF thực hiện;

+ ECB thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế tính bất ổn và nâng cao tính thanh khoản của thị trường tài chính.

#### **- Trong dài hạn:**

+ Thiết lập Liên minh Tài khóa Châu Âu (European Fiscal Union - EFU) với những cơ chế kiểm soát tài khóa chặt chẽ và trừng phạt nghiêm khắc với các thành viên trong Hiệp ước của EU;

+ Phát hành Trái phiếu Châu Âu (Eurobonds) cho 17 nước khu vực Eurozone;

+ Thành lập Cơ chế Bình ổn Châu Âu (European Stability Mechanism - ESM), đây là chương trình quỹ giải cứu dài hạn tiếp theo của EFSF và EFSM vào giữa năm 2012;

+ Thành lập Quỹ Tiền tệ Châu Âu (European Monetary Fund - EMF) ngày 20/10/2011, được chuyển đổi từ EFSF. Quỹ này có thể cung cấp cho các chính phủ trái phiếu châu Âu có lãi suất cố định ở mức thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng kinh tế trong trung hạn.

Sau đó, Hội nghị Thượng đỉnh Liên minh Châu Âu tại Brussels vào ngày 08-09/12/2011 gồm 17 nước trong khu vực Eurozone và 7 nước thuộc EU đã đưa ra các biện pháp chính để "tăng cường kỉ luật ngân sách". Những biện pháp này đã bước đầu thu được những kết quả lạc quan như chứng khoán châu Âu có xu hướng tăng điểm, chi phí vay mượn của nhiều nước giảm xuống đáng kể. Theo nhiều dự báo, nếu không thể đưa ra các giải pháp ngăn chặn hiệu quả, tỉ lệ nợ công/GDP bình quân của khu vực Eurozone vào năm 2015 sẽ lên đến mức 95%.

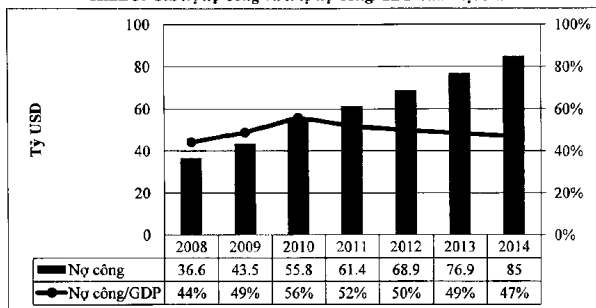
## 2. Nợ công ở Việt Nam và những bài học gợi mở từ kinh nghiệm Châu Âu

### 2.1. Thực trạng

Khái niệm nợ công của Việt Nam khác với các nước châu Âu. Theo Luật Quản lý nợ

công năm 2009 của Việt Nam, nợ công bao gồm nợ chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ của chính quyền địa phương. Hình dưới đây sẽ cho thấy thực trạng nợ công của Việt Nam kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

**Hình 3: Giá trị nợ công và tỉ lệ nợ công/GDP của Việt Nam**



*Nguồn:* The Economist và tính toán của tác giả.

*Ghi chú:* Giá trị nợ công (trục trái), nợ công/GDP (trục phải).

Như vậy, tính đến thời điểm ngày 31/10/2014, nợ công của Việt Nam là 85 tỉ USD, nghĩa là trung bình mỗi người dân phải gánh 937,54 USD nợ trong khi thu nhập bình quân đầu người hiện nay chưa đến 2.000 USD.

### 2.2. Nguyên nhân

- *Mô hình phát triển còn dựa nhiều vào đầu tư công*

Trong những năm gần đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá tốt, tuy nhiên,

động cơ tăng trưởng chủ yếu là đến từ đầu tư công. Tính chung trong giai đoạn 2001-2005, tổng vốn đầu tư công đạt khoảng 286 nghìn tỉ đồng, chiếm trên 23% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; giai đoạn 2006-2010 ước đạt trên 739 nghìn tỉ đồng, chiếm trên 24% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (Bộ Công thương). Điều này khiến cho mức độ tăng trưởng không thực sự phản ánh đúng tình hình của nền kinh tế trong khi nguồn chi ngân sách lại quá lớn, dẫn đến tỉ lệ nợ công/GDP của Việt Nam vẫn tăng qua các năm dù tăng trưởng kinh tế khá tốt.

- *Đầu tư công lớn, dàn trải và kém hiệu quả*

Tuy đầu tư công nhiều nhưng hiệu quả lại rất hạn chế, dẫn đến tốn kém và lãng phí quá lớn. Việc Tập đoàn Kinh tế Nhà nước Vinashin bỏ ra 1.000 tỉ đồng để mua tàu vận tải biển tuyến Bắc - Nam nhưng chỉ chạy mấy chuyến rồi dừng lại, hay đầu tư cảng biển dọc 600km bờ biển miền Trung quá dày đặc, cứ khoảng 30-40km lại có một cảng, song các cảng biển này lại không hề hoạt động hết công suất... là những minh chứng rõ nét cho sự lãng phí của đầu tư công. Đầu tư công quá nhiều và dàn trải nhưng hiệu quả kém không chỉ khiến hiệu quả đầu tư xã hội bị hạn chế mà còn làm tăng gánh nặng nợ công lên đất nước, nhất là nợ nước ngoài.

- *Khởi doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hoạt động không hiệu quả*

Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2013, các DNNN chiếm 79% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư nhà nước, 70% nguồn vốn ODA nhưng chỉ đóng góp 37.38% GDP. Và mặc dù trong quá trình hoạt động, các DNNN đã nhận được nhiều sự ưu đãi của Chính phủ ở mọi mặt như dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn, được cung ứng đất đai, tài nguyên hay bảo hộ độc quyền... nhưng những gì các doanh nghiệp này thể hiện được chỉ là hệ số ICOR (hệ số phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, đo lường số đơn vị vốn cần tăng thêm để tạo ra thêm một đơn vị sản lượng) lên đến 7,5 trong khi khu vực doanh nghiệp tư nhân là 3-4 trong giai đoạn 2011-2013. Rõ ràng các

DNNN đã lãng phí một lượng lớn nguồn lực xã hội và những ưu đãi nhận được từ nguồn chi ngân sách.

- *Thâm hụt ngân sách nhà nước*

Bên cạnh chi cho đầu tư công, ngân sách nhà nước còn phải chi một lượng lớn duy trì bộ máy chính quyền công kênh nhưng năng suất hoạt động lại rất thấp, từ đó dẫn đến việc thu không đủ bù chi, phải vay nợ để bù đắp chênh lệch và hệ quả là ngân sách thâm hụt ngày càng trầm trọng. Cụ thể, thâm hụt ngân sách không bao gồm chi trả nợ gốc của Việt Nam trung bình trong giai đoạn 2003-2007 chỉ là 1,3% GDP, nhưng con số này đã tăng hơn gấp đôi, lên 2,7% GDP trong giai đoạn 2008-2012 (Bộ Tài chính). Trong khi đó, theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (Asian Development Bank - ADB), trung bình trong hai năm 2009-2010, thâm hụt ngân sách của Việt Nam thuộc diện cao nhất so với các nước trong khu vực, vào khoảng 6% GDP/năm, cao gấp 6 lần so với Indonesia và gấp 2 lần so với Thái Lan.

- *Quản lý bộc lộ nhiều yếu kém*

Tham nhũng tại Việt Nam hiện nay đã trở thành một quốc nạn. Hành vi tham nhũng dẫn trở nên phổ biến trong tất cả các lĩnh vực: từ công an, hải quan, thuế đến ngân hàng, y tế, giáo dục... Theo thống kê của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI), chỉ số tham nhũng của Việt Nam xếp hạng thứ 112/182 trong năm 2011.

**Bảng 3: Chỉ số tham nhũng của Việt Nam giai đoạn 2005-2011**

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Chỉ số	2,6	2,6	2,6	2,7	2,7	2,7	2,9
Hạng	107/158	111/163	123/179	121/180	120/180	116/178	112/182

Nguồn: www.tapchicongsan.org.vn.

### 2.3. Mối quan hệ giữa nợ xấu và nợ công

Trong thời gian vừa qua, Việt Nam đang phải đối mặt với một vấn đề vô cùng khó khăn là khối lượng nợ xấu ngày càng tăng cao và trở thành nước có tỉ lệ nợ xấu cao nhất khu vực Đông Nam Á. Theo báo cáo của các ngân hàng, đến cuối tháng 7/2014, tổng nợ xấu nội bảng là 162,2 nghìn tỉ đồng (khoảng 8 tỉ USD), chiếm 4,11% tổng dư nợ (tỉ lệ nợ xấu cho phép phải ở dưới mức 3%). Và nếu cộng cả những khoản nợ xấu tiềm tàng, bao gồm nợ khoanh, nợ được cơ cấu lại... thì con số nợ xấu thật sự sẽ còn cao hơn rất nhiều. Trong khi đó, bối cảnh u ám của kinh tế toàn cầu cũng như trong nước trong những năm gần đây đã hạn chế đáng kể khả năng giải quyết nợ xấu của Việt Nam.

Chính sách tín dụng lỏng lẻo đã mở đường cho các khoản nợ xấu phát sinh từ rất nhiều nguồn. Trước hết, đó là nợ xấu trong bất động sản do hệ lụy của một quá trình phát triển nóng, tràn lan và giá nhà đất bị thổi lên quá cao do nạn đầu cơ. Đáng lưu ý, ngoài khoản vay dành cho thị trường bất động sản thì còn nhiều khoản vay khác được thế chấp bằng bất động sản hay liên quan đến bất động sản cũng đang chịu ảnh hưởng lớn từ việc sụt giảm của thị trường nhà đất. Nợ

xấu cũng đến từ những khoản vay sản xuất kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp, trong đó có các tập đoàn, tổng công ty nhà nước vay tiền để mở rộng sản xuất nhưng đầu ra khó khăn, lượng hàng tồn kho lớn, vốn đọng... khiến doanh nghiệp không có khả năng trả nợ ngân hàng. Ngoài ra, các tổ chức tín dụng còn phải gánh một khoản nợ lên đến 90.000 tỉ đồng từ nợ đọng trong xây dựng cơ bản, nguyên nhân chủ yếu là do năng lực quản lý yếu kém của các cơ quan chức năng cũng như các bên liên quan.

Bên cạnh đó, hiệu quả đầu tư kinh tế nói chung và của một số đơn vị nói riêng còn thấp, nhiều công ty liên doanh, liên kết kinh doanh thua lỗ, mất vốn, đặc biệt là các khoản đầu tư vào lĩnh vực chứng khoán đều thua lỗ. Mặc dù, đã sử dụng rất nhiều biện pháp như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lập quỹ dự phòng, phát mãi tài sản đảm bảo, thành lập Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) với mục tiêu giải quyết khối lượng nợ xấu khổng lồ này, thế nhưng theo một số chuyên gia, từ khi ra đời vào cuối tháng 7/2013 đến nay, VAMC mới chỉ giải quyết (bán) được chưa đến 2% trong số 51.000 tỉ đồng nợ xấu ở các ngân hàng. Điều này cho thấy hiệu quả xử lý nợ xấu của VAMC là quá thấp so với những kỳ vọng khi



nó được thành lập. Và nếu thật sự ngay cả VAMC cũng không thể cải thiện được tình trạng nợ xấu hiện nay thì nền kinh tế của Việt Nam sẽ phải đối mặt với một nguy cơ rất lớn, đó là nợ xấu sẽ đẩy các ngân hàng rơi vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng để rồi đến một lúc sẽ không còn đủ sức chống đỡ, không chỉ một mà toàn bộ hệ thống ngân hàng sẽ sụp đổ. Lẽ dĩ nhiên, Chính phủ sẽ không để kịch bản này xảy ra mà sẽ có sự can thiệp, giúp đỡ, và phương pháp duy nhất lúc này chính là “biến” các khoản nợ tư nhân thành nợ công, sử dụng nguồn tiền ngân sách để trả nợ và cũng là giải cứu hệ thống ngân hàng. Như vậy, nếu tình hình nợ xấu không được giải quyết thì sẽ nhanh chóng khiến Việt Nam phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng khác trong tương lai: khủng hoảng nợ công.

#### **2.4. Các gợi ý giải pháp chống khủng hoảng nợ công đối với Việt Nam**

Có rất nhiều các biện pháp để chống khủng hoảng nợ công được khuyến nghị, tuy nhiên, tại mỗi khu vực khác nhau, các quốc gia sẽ áp dụng những biện pháp cụ thể sao cho phù hợp với tình hình nợ công và đặc điểm của nền kinh tế trong nước.

Như đã phân tích, nguyên nhân khiến nợ công của Việt Nam tăng cao có một số điểm tương đồng với một số nước châu Âu, đó là: (i) Thâm hụt ngân sách do chi tiêu công; (ii) Các khoản nợ từ các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả; (iii) Bộc lộ nhiều yếu kém trong quá trình quản lý. Mặc dù các chỉ số về nợ của Việt Nam vẫn nằm trong giới hạn cho phép nhưng qua đánh giá những vấn đề còn tồn tại của nền kinh tế Việt Nam,

nhìn nhận từ bài học của các nước khu vực Erozone, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

*Thứ nhất*, cần có một cơ chế kiểm soát tài khóa chặt chẽ và phù hợp. Chính phủ phải thống nhất quản lý, huy động, phân bổ và sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công của quốc gia, tuân thủ nguyên tắc hiệu quả để tránh tình trạng thâm hụt ngân sách tiếp tục kéo dài, gây áp lực tăng nợ công. Sử dụng nguồn vốn vay có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí, đặt mục tiêu giảm dần bội thặng dư ngân sách tiến tới mức cân bằng ngân sách. Đối với chi tiêu của Chính phủ cũng cần phải được thực hiện theo đúng cơ chế, các mục tiêu tài khóa được đề ra phải cụ thể, thiết thực đối với tình hình ngân sách hiện tại và thực trạng nền kinh tế.

*Thứ hai*, việc tiếp tục huy động các nguồn vốn vay nợ trong nước và vay nợ nước ngoài là một phần tất yếu, nhưng phải tuân thủ nguyên tắc hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ và gắn liền với minh bạch hoá các khoản vay. Quản lý nợ công phải trên cơ sở giới hạn các chỉ tiêu an toàn về nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

*Thứ ba*, chủ động cải tiến các công cụ, biện pháp quản lý nợ công, đa dạng hóa các hình thức vay vốn với chi phí hợp lý, chuyển đổi cơ cấu vay theo hướng tăng dần tỉ trọng huy động vốn vay trong nước, giảm dần mức độ vay nước ngoài và hạn chế bảo lãnh chính phủ.

*Thứ tư*, cần chủ động đề phòng khủng hoảng nợ công. Khi xảy ra khủng hoảng cần tìm hiểu tận gốc nguyên nhân, các giải pháp

giải cứu đưa ra cần dựa trên lợi ích của quốc gia, không căn cứ trên lợi ích của một bộ phận hay một số nhóm riêng lẻ.

Ngoài ra, Việt Nam cũng nên áp dụng thêm những biện pháp khác phù hợp với tình hình nợ công trong nước như: *Thứ nhất*, giảm đầu tư công một cách tràn lan, kém hiệu quả. Chính phủ cần có những lĩnh vực ưu tiên cụ thể, phù hợp và thiết thực với bối cảnh nền kinh tế trong nước, trong khu vực và trên thế giới; *Thứ hai*, không để bất kỳ một lĩnh vực kinh tế nào phát triển “quá nóng”, hoặc đầu tư “quá sức” buộc Chính phủ phải giải cứu khi xảy ra khủng hoảng nhằm tránh nguy cơ đổ vỡ nền kinh tế; *Thứ ba*, loại bỏ các DNNN vì mục tiêu lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận nhưng lại hoạt động không hiệu quả, nghĩa là tiêu tốn nhiều nguồn lực nhưng lại đóng góp quá ít cho xã hội, chỉ giữ lại những DNNN vì lợi ích cộng đồng và vẫn đang hoạt động hiệu quả; *Thứ tư*, thu gọn bộ máy chính quyền và nâng cao năng suất hoạt động của viên chức nhà nước. Muốn thực hiện được biện pháp này cần có sự chung sức của tất cả các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể... để tránh một lượng lớn ngân sách đang bị lãng phí từng ngày, từng giờ; *Thứ năm*, giải quyết quốc nạn tham nhũng. Đây là điều đã được nói đến rất nhiều trong khoảng thời gian gần đây, tuy nhiên tình hình thực tế vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể. Và nếu Việt Nam không chỉ muốn kiểm soát tình hình nợ công mà còn phát triển kinh tế một cách bền vững thì đây là một trong những vấn đề cần được ưu tiên hàng đầu; *Thứ sáu*, có giải pháp tích cực và hiệu quả để giải quyết khối lượng nợ xấu đang tồn đọng hiện nay. Có thể tiếp tục dựa

vào VAMC nhưng cần phải có sự thay đổi về mô hình hoạt động cũng như các điều luật đối với VAMC sao cho phù hợp với thực trạng nền kinh tế Việt Nam. Mặt khác, cần thực hiện cơ chế giám sát sự lành mạnh của hệ thống ngân hàng.

#### Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Minh Ngọc (2014). “Nợ công Châu Âu: Báo động từ những con số”. *Tạp chí Tài chính*, số 4.
2. Nguyễn Tuấn Tú (2012). “Nợ công ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp”. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, 200-208.
3. Đinh Công Tuấn (2011). “Khủng hoảng nợ công ở một số nước châu Âu - Thực trạng và giải pháp”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, 3-12.
4. Blundell-Wignall, A. (2012). *Solving the Financial and Sovereign Debt Crisis in Europe*. Secretary-General.
5. Constâncio, V. (2012). *Contagion and the European debt crisis*. European Central Bank.
6. Correa, R., & Sapriza, H. (2014). *Sovereign Debt Crises*. Oxford Handbook of Banking.
7. Lane, Philip R. (2012). “The European Sovereign Debt Crisis”. *Journal of Economic Perspectives*, 49-68.
8. Reinhart, C. M., & Rogoff, K. S. (2013). *Financial and Sovereign Debt Crises: Some Lessons Learned and Those Forgotten*. IMF.
9. <http://www.chinhphu.vn/>
10. Lê Thị Minh Ngọc, *Nợ công châu Âu: Báo động từ những con số*. <http://www.tapchitaichinh.vn>, ngày 30/05/2014.
11. *The Economic*, <http://www.tradingeconomics.com>